

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 02 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kiều Hương.
2. Bà Huỳnh Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 445/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Lê Tấn V, sinh năm 1987.

*Nơi cư trú:* Số X, đường Y, khu phố Z, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*2. Bị đơn:* Chị Lương Thị L, sinh năm 1992.

*Hộ khẩu thường trú:* Số Y, đường Y, khu phố Z, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*Nơi cư trú:* Tổ E, khu phố Z, thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Tấn V trình bày: Anh và chị Lương Thị L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 13/4/2011, đăng ký kết hôn số 36/2011. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã ly thân 03 năm nay. Anh xác định không còn tình

cảm với chị L, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thanh P, sinh ngày 11/01/2012 và Lê Thanh P1, sinh ngày 29/01/2015. Hiện nay, cháu P1 đang sống chung với anh, cháu P đang sống với chị L. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 và giao cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất của cha, mẹ anh. Nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

\* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Lương Thị L trình bày: Chị thống nhất với anh V về quá trình tìm hiểu, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị. Anh chị đã ly thân 03 năm nay. Anh V yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị cũng thống nhất với anh V. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cho anh V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất của cha, mẹ anh V. Do anh V không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án nên chị không đồng ý ký giấy ly hôn. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia tài sản trong vụ án nhưng chị không làm đơn khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê Tấn V và chị Lương Thị L tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 13/4/2011, đăng ký kết hôn số 36/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu

thuần nên anh V đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặt khác, chị L cũng xác định không còn tình cảm với anh V, đồng ý ly hôn với anh nhưng do anh V không yêu cầu giải quyết tranh chấp chia tài sản khi ly hôn nên chị không đồng ý ký giấy ly hôn. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy xử cho anh V ly hôn chị L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thanh P, sinh ngày 11/01/2012 và Lê Thanh P1, sinh ngày 29/01/2015. Thấy rằng, anh chị đã tự nguyện thống nhất với nhau về việc giao cháu P1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét, giải quyết trong bản án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh V là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Anh Lê Tấn V ly hôn chị Lương Thị L.

- Về con chung: Anh Lê Tấn V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Thanh P1, sinh ngày 29/01/2015. Chị Lương Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Thanh P, sinh ngày 11/01/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Anh Lê Tấn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do anh V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009034 ngày 22 tháng 12 năm 2021. Anh V đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Ngọc Nghĩa**